

- **?**: số mL HT được thải trừ thuốc hoàn toàn trong 1 phút khi nó đi qua CQ thải trừ
- biểu thị khả năng thải trừ thuốc ra khỏi HT của CQ (gan, thận)

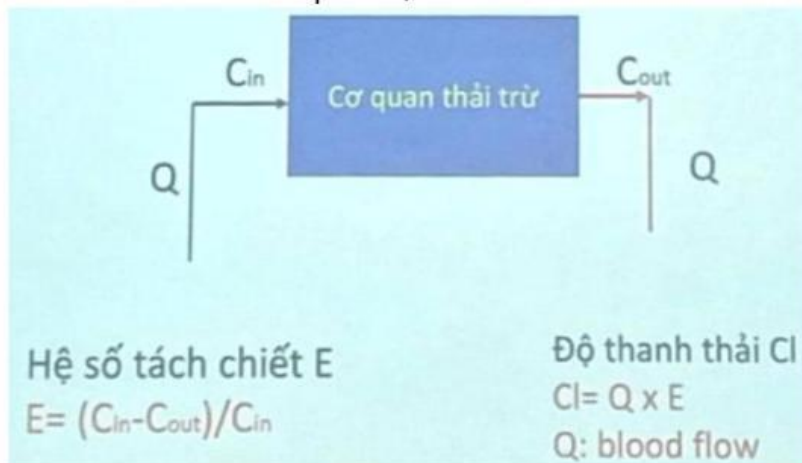
- **đơn vị**: ml/phút  
ml/kg/phút  
ml/m<sup>2</sup>/phút
- **Công thức**  
 $Cl = \frac{F \cdot D}{AUC}$

- Hai **CQ thải trừ** chính
  - **gan** (chuyển hóa --> thải trừ qua mật)
  - **thận**

$$Cl_{total} = Cl_{gan} + Cl_{thận} + Cl_{khác}$$

- CL càng lớn, thải trừ càng nhanh
- **Ứng dụng**
  - **Tính Dose** administered để duy trì ổn định Cp  
Cp ổn định khi  $v_{thải trừ} = v_{hấp thụ}$
  - **Chỉnh Dose** administered đối với **suy gan, suy thận**  
(suy cái nào thì tránh chọn thuốc thải trừ qua cái đó)

**Hệ số tách chiết**: tỉ lệ thuốc bị loại khỏi máu khi qua CQ thải trừ



- $E < 0.3$ : thấp
- $0.3 < E < 0.7$ : trung bình
- $E > 0.7$ : cao
- **Thuốc có E cao**: ( $> 0.7$ ):
  - CL cq  $\sim$  Q máu (lưu lượng)
  - CL của thuốc **nhạy với sự thay đổi Q máu**  
→ có thể được dùng để **đo Q máu** qua cq  
e.g. dùng xanh indocyanin đo Q máu qua gan
- **Thuốc có E thấp** ( $< 0.3$ )
  - CL thay đổi theo **phần thuốc tự do**  
(vì phần tự do mới qua màng được)
  - CL của thuốc **kém nhạy với sự thay đổi Q máu**